

PHỤ LỤC 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

ĐVT: đồng/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá bán hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
I	Thị trấn EaSúp					
1	Hùng Vương	Lương Thế Vinh	Cổng trước Hạt Kiểm lâm	600,000	600,000	
		Cổng trước Hạt Kiểm lâm	Đập tràn thủy lợi 1	800,000	800,000	
		Đập tràn thủy lợi 1	Km 0 (Ngã tư Bưư điện)	900,000	900,000	
		Km 0 (Ngã tư Bưư điện)	Ngã 3 Lâm trường Cư M'lanh	900,000	900,000	
		Ngã 3 Lâm trường Cư M'lanh	Cầu sắt suối Ea Súp	650,000	650,000	
2	Lạc Long Quân	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	900,000	900,000	
		Lê Hồng Phong	Tô Hiệu	750,000	750,000	
		Tô Hiệu	Nguyễn Trãi	750,000	750,000	
3	Tô Hiệu	Nguyễn Du	Điện Biên Phủ	550,000	550,000	
4	Điện Biên Phủ	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	550,000		600,000
5	Ấu Cơ	Hùng Vương	Nơ Trang Long	900,000	900,000	
		Nơ Trang Long	Y Ngông	700,000		750,000
		Y Ngông	Y Ni Ksor	400,000	400,000	
		Y Ni Ksor	Hết đường	200,000	200,000	
6	Trần Phú	Lạc Long Quân	Đinh Núp	700,000		750,000
		Đinh Núp	Điện Biên Phủ	550,000		600,000
7	Nguyễn Trãi	Điện Biên Phủ	Lạc Long Quân	350,000		400,000
		Lạc Long Quân	Hồ Xuân Hương	350,000		400,000
		Hồ Xuân Hương	Hết đường	150,000		300,000
8	Đinh Núp	Hùng Vương	Phạm Ngọc Thạch	550,000	550,000	
		Phạm Ngọc Thạch	Lê Hồng Phong	300,000	300,000	
		Lê Hồng Phong	Tô Hiệu	200,000		250,000
9	Phạm Ngọc Thạch	Hùng Vương	Điện Biên Phủ	250,000		400,000
10	Lê Hồng Phong (bao gồm cả hai đường)	Điện Biên Phủ	Nguyễn Du	250,000		400,000
11	Nguyễn Du	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	550,000	550,000	
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Trãi	400,000	400,000	
12	Nguyễn Trung Trực	Ấu Cơ	Kênh N1	200,000		300,000
13	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		400,000
14	Nơ Trang Long	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		300,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá bán hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
15	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		300,000
16	A Ma Jhao	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		300,000
17	Trần Bình Trọng	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		300,000
18	Y Ngông	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000		300,000
19	Lê Lai	Nguyễn Thị Minh Khai	Ấu Cơ	200,000	200,000	
		Lý Thường Kiệt	Kênh N1	200,000	200,000	
20	Pi Năng Tắc	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000	200,000	
21	Bà Triệu	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000	200,000	
22	Nơ Trang Gurl	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000	200,000	
23	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	200,000	200,000	
24	Y Ni K'Sor	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	100,000		200,000
25	Nguyễn Thị Minh Khai	Hùng Vương	Y Ni K'Sor	200,000		300,000
26	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Nơ Trang Long	700,000	700,000	
		Nơ Trang Long	Nơ Trang Gurl	200,000		400,000
27	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Trãi	Nguyễn Đình Chiểu	250,000	250,000	
28	Nguyễn Đình Chiểu	Hùng Vương	Hồ Xuân Hương	250,000	250,000	
29	Chu Văn An	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Trãi	250,000	250,000	
30	Tôn Thất Tùng	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	250,000	250,000	
31	Lương Thế Vinh	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	250,000	250,000	
32	Lê Quý Đôn	Hồ Xuân Hương	Lương Thế Vinh	250,000	250,000	
33	Đường đi xã Ea Bung	Hùng Vương	Đinh Tiên Hoàng	200,000		300,000
		Đinh Tiên Hoàng	Giáp xã Ea Bung	150,000		200,000
	Đường song song với đường Điện					
34	Biên Phủ	Hùng Vương	Phạm Ngọc Thạch	200,000		250,000
35	Đường đi huyện Cư M'gar	Nguyễn Trãi	Hết nhà ông Hường	300,000		400,000
36	Đường giao thông	Nhà ông Kỳ (đường Hùng Vương)	Kênh N1	250,000	250,000	
37	Đường giao thông	Nhà ông Mai	Nhà ông Tiệp	250,000	250,000	
38	Đường đi xã Cư M'lan	Cuối đường Nguyễn Trãi	Giáp xã Cư M'lan	100,000		200,000
39	Tỉnh lộ I	Nhà ông Kỳ	Lương Thế Vinh	500,000		600,000
40	Khu dân cư còn lại			50,000		100,000
II	Xã Cư M'lan					
1	Tỉnh lộ I	Từ nhà ông Kỳ	Hết cây xăng	280,000		500,000
		Hết cây xăng	Ngã 4 (UBND xã)	230,000		400,000
		Ngã 4 (UBND xã)	Cầu Đắc Bùng	180,000		350,000
		Cầu Đắc Bùng	Hết Xưởng dừa	80,000		250,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Hết Xưởng dừa	Giáp huyện Buôn Đôn	50,000		200,000
2	Đường vành đai	Ngã 4 Đắc Bùng (UBND xã)	Giáp thị trấn EaSúp	80,000		200,000
3	Đường đi xã YaTờ Mốt	Ngã 4 Đắc Bùng (UBND xã)	Cổng qua kênh N1	70,000		200,000
4	Đường đi huyện Cư M'gar	Giáp thị trấn EaSúp	Trạm phân trường 3 - LT Cư M'la	40,000		100,000
5	Khu dân cư còn lại			30,000		70,000
III	Xã Ealê					
1	Đường Liên xã	Cầu sắt (giáp thị trấn EaSúp)	Cầu qua kênh N11 - thôn 1	200,000		250,000
		Cầu qua kênh N11 - thôn 1	Kênh N10 (Thôn 6)	250,000		300,000
		Kênh N10 (Qua UBND xã)	Giáp xã EaRôk	70,000		150,000
2	Đường đi xã Cư K'Bang	Ngã 3 (chợ EaLê)	Cổng 18T (kênh chính Đông)	60,000		150,000
		Cổng 18T (kênh chính Đông)	Giáp xã Cư K'Bang	40,000		100,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000		50,000
IV	Xã EaRôk					
1	Đường Liên xã	Giáp xã EaLê	Ngã 3 nhà ông Thanh Lệ	100,000		200,000
		Ngã 3 nhà ông Thanh Lệ	Cầu cây Sung	150,000		300,000
		Cầu cây Sung	Cầu qua sông Ea HLeo	220,000		400,000
2	Các tuyến đường khác thuộc trung tâm cụm xã EaRôk			120,000		150,000
3	Đường đi Trung đoàn 737	Ngã 3 Quảng Đại	Cầu xi măng qua xã Ya TMốt	100,000		150,000
4	Khu dân cư còn lại			30,000		50,000
V	Xã Ia Jloi					
1	Đường Liên xã	Cầu qua sông Ea HLeo	Ngã 3 (Buru điện Văn hoá xã)	60,000		80,000
2	Đường đi buôn BaNa	Ngã 3 đường đi buôn Ba Na	Hết Buôn Ba Na	50,000		100,000
3	Đường đi Trung đoàn 736	Ngã 3 đường đi T.Đoàn 736	Cầu thôn Vùng xã IaLốp	20,000		50,000
4	Khu dân cư còn lại			15,000		40,000
VI	Xã EaBung					
1	Đường trục 1	Giáp thị trấn Ea Súp	Ngã 3 đường đi Ea Oì	150,000		200,000
		Ngã 3 đường đi Ea Oì	Giáp xã Ya Tờ Mốt (cầu sắt)	80,000		100,000
2	Đường trục 2	Ngã 3 đường đi Ea Oì	Giáp xã Ya Tờ Mốt (cầu xây)	50,000		80,000
		Giáp thị trấn (cầu suối tre)	Giáp trục 2	50,000		100,000
3	Đường vành đai trung tâm xã	Nhà ông Uyñh thôn 3	Nhà ông Phòng thôn 4	50,000		70,000
		Nhà bà Nguyễn Thị Mươi	Giáp xã Cư MLan			80,000
4	Các thửa đất khác giáp mặt đường chính của thôn			30,000		50,000
5	Khu dân cư còn lại			20,000		40,000
VII	Xã Ya Tờ Mốt					
1	Đường trục 1	Giáp xã Ea Bung (cầu xây)	Ngã 3 (nhà ông Đoá)	50,000		80,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
		Ngã 3 (nhà ông Đoá)	Hết trụ sở UBND xã	150,000		200,000
		Hết trụ sở UBND xã	Cầu xây suối Đắc Pét	50,000		100,000
2	Đường trục 2	Giáp xã Ea Bung (cầu sắt)	Hết vườn nhà ông Lê Ngọc Tuấn	30,000		70,000
		Hết vườn nhà ông Lê Ngọc Tuấn (thôn 1)	Hết vườn nhà ông Hoàng Tô Ván	50,000		70,000
		Hết vườn nhà ông Hoàng Tô Ván	Giáp trục 1	100,000		150,000
3	Các thửa đất khác giáp mặt đường chính của thôn			30,000		50,000
4	Khu dân cư còn lại			15,000		40,000
II	Xã Cư K'Bang					
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê	Cầu xây	50,000		100,000
		Cầu xây	Ngã 3 đi UBND xã	30,000		100,000
		Ngã 3 đi UBND xã	Ngã 4 trạm nước	40,000		150,000
2	Đường Liên xã	Nhà ông Cù Văn Toàn	Hết vườn nhà ông Lập	20,000		70,000
3	Đường liên thôn	Nhà ông Tuynh	Hết vườn nhà ông Dũng	20,000		70,000
		Nhà ông Thao	Hết vườn nhà bà Bé Thị Thi	20,000		70,000
		Nhà ông Bảo	Hết vườn nhà ông Việt	20,000		70,000
4	Khu dân cư còn lại			15,000		30,000
IX	Xã YaLốp					
1	Đường trục 1	Cầu thôn vùng vòng Trung đoàn 736	ngã 4 thôn Trung	30,000		50,000
2	Đường trục 2	Ngã 3 thôn vùng	Ngã 4 thôn Chiềng	15,000		30,000
3	Khu dân cư còn lại			10,000		20,000
X	Xã IaR'vê					
1	Đường trục 1	Ngã 4 thôn 1, 4	Ngã 4 thôn 7, 10	30,000		50,000
		Ngã 4 thôn 7, 10	Cầu cạn	20,000		30,000
2	Đường trục 2	Ngã 4 thôn 1, 4	Ngầm 59	15,000		20,000
3	Đường trục 3	Cuối thôn 7	Cuối thôn 10	15,000		20,000
4	Đường trục 4	Cuối thôn 13	Cuối thôn 14	15,000		20,000
5	Đường trục 5	Ngã 3 Trung đoàn 737	Cuối thôn 8	20,000		30,000
6	Đường trục 6	Cuối thôn 4	Cuối thôn 1	20,000		30,000
7	Khu dân cư còn lại			10,000		20,000